THÂN PHẬN MỒ CÔI TRONG CA DAO, TỤC NGỮ NGƯỜI VIỆT

Đặng Quốc Minh Dương
Trường Đại học Văn Hiến

Tóm tắt: *Bài viết khảo sát nhân vật mồ côi trong ca dao, tục ngữ người Việt, từ đó cho thấy cái nhìn nhân văn của dân gian. Sau khi tìm hiểu khái niệm - nguồn gốc của mồ côi, bài viết khảo sát nhân vật mồ côi từ điểm nhìn chủ thể và điểm nhìn khách thể. Kết quả cho thấy, người mồ côi trong ca dao tục ngữ được miêu tả là những cá nhân chịu nhiều thiệt thòi về tinh thần và vật chất, sống trong hoàn cảnh cô đơn, dễ bị tổn thương. Dân gian vừa thể hiện sự xót thương, kêu gọi cộng đồng dang tay bảo bọc, vừa phản ánh những định kiến xã hội về thân phận không có gốc gác, khó khăn trong hôn nhân và vị thế xã hội. Qua đó, tác phẩm không chỉ góp phần nhận diện một hình tượng nhân vật ít được nghiên cứu trong ca dao tục ngữ, mà còn khẳng định giá trị đạo đức, tinh thần tương thân tương ái của người Việt. Bài viết cũng mở ra hướng tiếp cận so sánh liên văn hóa và nghiên cứu sự chuyển biến hình tượng này trong văn học hiện đại.*
Từ khóa: *Ca dao, mồ côi, người Việt, tục ngữ, thương cảm.*

Nhận bài ngày 20.06.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Đặng Quốc Minh Dương ; email: duongdqm@vhu.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong văn học dân gian Việt Nam, hình ảnh người mồ côi xuất hiện phổ biến trong ca dao, tục ngữ, phản ánh số phận thiệt thòi trong xã hội truyền thống, nơi gia đình và huyết thống giữ vai trò quan trọng. Dân gian không chỉ tái hiện thực trạng của nhân vật mồ côi mà còn thể hiện cái nhìn nhân văn, tương thân tương ái của cộng đồng. Bên cạnh việc khắc họa nỗi cô đơn, khó khăn của họ, ca dao, tục ngữ còn mang ý nghĩa giáo dục, nhấn mạnh giá trị đạo đức và trách nhiệm xã hội đối với những người kém may mắn.

Trong thời gian qua, nhân vật mồ côi trong văn học dân gian cũng đã được đề cập, đặc biệt trong thể loại truyện cổ tích. Các giáo trình văn học dân gian đều ghi nhận đây là một kiểu nhân vật đặc biệt. Một số nhà nghiên cứu như Lê Trung Vũ, Nguyễn Thị Minh Thu, Lê Thị Bích Thủy,… đã có những công trình chuyên sâu về hình tượng này trong truyện cổ của các dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong lĩnh vực ca dao, tục ngữ, vấn đề này vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện.

Dựa trên nguồn tư liệu từ *Kho tàng tục ngữ người Việt*- 2 tập (Nguyễn Xuân Kính, chủ biên) và *Kho tàng ca dao người Việt* – 3 tập (Nguyễn Xuân Kính, chủ biên), chúng tôi đã thống kê được 60 bài ca dao và 24 câu tục ngữ liên quan đến chủ đề này. Bằng phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp so sánh và tiếp cận liên ngành, bài viết sẽ làm rõ quan niệm của người Việt về thân phận người mồ côi từ góc độ khái niệm, nguồn gốc đến cách nhìn nhận từ chủ thể và khách thể.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm và nguồn gốc

Xét về mặt ngữ nghĩa, "mồ côi" được hiểu là nói về người "bị mất cha và/hoặc mẹ khi còn bé dại". Trong đời sống thường nhật, khái niệm "mồ côi" dùng để chỉ những đứa trẻ mất cả cha lẫn mẹ vì qua đời hoặc bị cha mẹ bỏ rơi khi chưa trưởng thành. Như vậy, xét từ góc nhìn ngữ nghĩa, người

mất cha mẹ sau khi đã đạt đến tuổi trưởng thành không được xem là mồ côi. Theo J. Meier, ở Mêlanêđia[1] có nhiều từ chỉ tình trạng "mồ côi" như:

- Ling, Anat, Nangur: người bị mất một cái gì, bị bỏ rơi, phải sống cách biệt.
- Ling ling: Sống đơn độc, xa lánh mọi người.
- Vaililing: Giữ một khoảng cách nào đó, bị loại trừ, xa lánh, hắt hủi.
- Matken: Người có người thân bị chết, trở nên đơn độc.
- Abul narara: Người lạc lõng, không bình thường [1, tr. 59-60].

Ở Việt Nam, ngoài từ "mồ côi" còn có một số từ, chữ được dùng để nói về tình trạng này. Trong Hán ngữ cổ có chữ "cô" [孤] ban đầu có nghĩa là "không có cha". Đào Duy Anh định nghĩa "cô" là "con chết cha - một mình" [2, tr. 108]. Sách *Mạnh Tử* ghi: "Lão nhi vô thê viết quan, lão nhi vô phu viết quả, lão nhi vô tử viết độc, ấu nhi vô phụ viết cô" (nghĩa là Già không vợ gọi là quan, già không chồng gọi là quả, già không con gọi là độc, trẻ không cha gọi là cô). Từ nghĩa gốc này, "cô" mở rộng ra nghĩa "một mình", như trong "cô độc", "cô đơn", "cô lập". Trong dân gian, hiện tượng mồ côi cũng được gọi bằng những danh từ khác như *bồ côi, cô nhi.* Ngoài ra, còn có các cách diễn đạt gợi tả tình cảnh mồ côi như *côi cút* (hay *cút côi*), *bơ vơ* – tuy không phải là danh từ chỉ người, nhưng cho thấy trạng thái lẻ loi, thiếu chỗ dựa. Một số cách diễn đạt khác như *không cha, không mẹ, bơ bấc, không nơi nương tựa*... mang tính chất giải nghĩa, nhấn mạnh vào hoàn cảnh thiếu thốn tình thân, chứ không được dùng như "tên gọi" của người mồ côi theo nghĩa danh từ.

Về nguồn gốc, trong xã hội nguyên thủy, chưa tồn tại khái niệm "mồ côi". Khi đó, đứa trẻ chỉ biết đến mẹ ruột và được cả thị tộc nuôi dưỡng. Điều này khiến chúng không phân biệt rõ ràng giữa "tình thân chung" và "tình thân riêng". Trong hoàn cảnh này, đứa trẻ mất cha không bị xem là bất hạnh, vì nó vẫn được cộng đồng bảo vệ [1, tr. 58]. Khi xã hội chuyển từ chế độ mẫu hệ sang phụ quyền, gia đình lớn dần tan rã thành các gia đình nhỏ. Quyền lợi và tài sản trở thành yếu tố quan trọng, khiến những kẻ mồ côi mất đi sự bảo trợ từ dòng họ. Điều này dẫn đến việc hình thành khái niệm "mồ côi", đánh dấu bước chuyển đổi từ xã hội cộng đồng sang xã hội có sở hữu tư nhân. Theo Võ Quang Nhơn, quá trình giải thể của cộng đồng thị tộc dẫn đến việc tích lũy tài sản theo gia đình, thành lập quan hệ giai cấp và tăng cường uy quyền gia trưởng. Trong bối cảnh đó, kẻ mồ côi không chỉ bị bỏ rơi mà còn trở thành đối tượng bóc lột lao động, như được phản ánh trong truyện cổ tích [3, tr. 133].

Dưới góc nhìn ngôn ngữ học và văn hóa dân gian, khái niệm "mồ côi" không chỉ đơn thuần là một *định danh pháp lý* dành cho trẻ em mất cha mẹ khi chưa đến tuổi trưởng thành, mà còn hàm chứa những lớp nghĩa sâu xa về mặt tâm lý – xã hội. Trong cách hiểu truyền thống của người Việt, "mồ côi" thường gắn liền với hình ảnh đứa trẻ còn nhỏ đã mất cha hoặc mẹ, đặc biệt là khi mất cả hai, dẫn đến cảnh sống côi cút, bơ vơ, thiếu vắng sự chở che và không nơi nương tựa. Ngược lại, một người đã trưởng thành dù cũng trải qua mất mát tình cảm sâu sắc khi cha mẹ qua đời, nhưng hiếm khi được gọi là "mồ côi" theo nghĩa thông thường. Cách phân biệt này cho thấy rằng, "mồ côi" không chỉ phản ánh một trạng thái thực tế về mặt thân phận, mà còn là một khái niệm *mang tính văn hóa – biểu trưng* cho sự yếu thế, sự thiếu hụt tình cảm, và nhu cầu được bảo bọc. Chính từ ý nghĩa biểu cảm đó, trong thực tế, nhiều người trưởng thành vẫn dùng từ "mồ côi" để nói về nỗi mất mát của mình khi cha mẹ qua đời. Việc sử dụng từ này mang đậm sắc thái tu từ, thường gặp trong diễn ngôn văn chương và ca dao, chẳng hạn như trong các câu:

Cha già con mọn chơi vơi
Gần đất xa trời con chịu mồ côi

hay

Mẹ già như chuối chín cây
Gió lay mẹ rụng, con rày mồ côi.

[1] Mêlanêđia (Melanesia) là một khu vực địa lý nằm ở phía tây nam Thái Bình Dương, bao gồm các quốc đảo như Papua New Guinea, Fiji, Solomon, Vanuatu và New Caledonia. Đây là một trong ba vùng văn hóa lớn của châu Đại Dương, bên cạnh Micronesia và Polynesia. Tên gọi "Melanesia" có nghĩa là "các đảo da đen", do đặc điểm nhân chủng học của cư dân bản địa.

Xét về mặt ngữ dụng, cách dùng từ "mồ côi" cho người trưởng thành tuy không hoàn toàn trùng khớp với nghĩa gốc, nhưng lại mang ý nghĩa biểu cảm sâu sắc. Đây là biểu hiện của một tâm thức xã hội phổ quát: trong mối quan hệ với cha mẹ, con cái dù trưởng thành đến đâu vẫn được nhìn nhận như những đứa trẻ cần được bao bọc, chở che. Bởi vậy, trong thi ca và văn học, hình ảnh người con mất mẹ thường trở thành biểu tượng cho nỗi đau thương tận cùng, như trong câu thơ đầy ám ảnh của Chế Lan Viên:

Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con

Ngoài ý nghĩa chỉ tình trạng mất cha mẹ, trong văn học dân gian, "mồ côi" còn mở rộng trường nghĩa để diễn tả nhiều hoàn cảnh khác nhau. Chẳng hạn, trong tục ngữ:

Đàn ông đi biển có đôi
Đàn bà vượt cạn mồ côi một mình.

Ở đây, "mồ côi" không chỉ sự mất mát về mặt *huyết thống* mà còn thể hiện tình cảnh đơn độc, thiếu sự trợ giúp. Tương tự, trong ca dao tình yêu, "mồ côi" còn mang nghĩa ẩn dụ về sự chia ly, mất mát tình cảm:

Chàng đà yên phận tốt đôi
Em nay lẻ bạn mồ côi một mình.

Như vậy, từ sự phát triển nghĩa này, có thể thấy rằng "mồ côi" không chỉ giới hạn trong phạm vi trẻ em mất cha mẹ, mà còn biểu thị nỗi cô đơn, mất mát của những người trưởng thành khi mất đi điểm tựa tinh thần quan trọng. Đồng thời, khái niệm này cũng phản ánh một thực tế xã hội: những người mồ côi, dù theo nghĩa đen hay nghĩa mở rộng, thường là nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương nhất trong quá trình biến đổi xã hội.

2.2. *Mồ côi* từ điểm nhìn chủ thể

Mồ côi là những người bất hạnh, chịu đau khổ - trước hết và trên hết là những nỗi đau về mặt tinh thần. Bởi vắng cha, mất mẹ cũng đồng nghĩa với việc mất đi chỗ dựa tinh thần lớn nhất của đời người. Tục ngữ đúc kết rằng: *Con mất cha như gà mất tổ* hay *Con mất cha như cây mất cành*, đều diễn tả sự lạc lõng, bơ vơ của người con khi không còn cha mẹ. Cha mẹ không chỉ sinh thành mà còn là chỗ dựa vững chắc, bảo vệ và che chở con cái suốt đời. Khi họ qua đời, con cái không còn sự dìu dắt, hướng dẫn mà buộc phải tự đối mặt với những thử thách cuộc sống. Sự mất mát này không chỉ là về mặt thể xác mà còn là tổn thương tinh thần khó bù đắp. Với chức năng thể loại, ca dao ghi lại rõ nét hơn tâm trạng này: *Thuyền không bánh lái thuyền quày/ Con không cha mẹ ai bày con nên?*, để nhấn mạnh rằng cha mẹ chính là nền tảng, là người dẫn đường quan trọng trong cuộc đời con cái. Khi mất đi cha mẹ, cuộc sống trở nên vô định, không định hướng, giống như một ngôi nhà không mái che, một con thuyền không bánh lái, lênh đênh giữa sóng nước cuộc đời.

Pháp luật Việt Nam từ xưa đến nay không ngăn cấm phụ nữ góa chồng *tái giá* hay người đàn ông *tục huyền*. Xét về khía cạnh nhân văn đối với người trưởng thành, đây là điều hợp tình, hợp lý. Tuy nhiên, quyết định này lại vô tình khiến những người mồ côi thêm một lần đau. Khi mất cha hoặc mẹ, nếu người còn lại đi bước nữa, đứa trẻ có nguy cơ rơi vào cảnh không nơi nương tựa. Nỗi đau ấy không chỉ xuất phát từ sự mất mát về tình cảm mà còn từ những biến đổi sâu sắc trong cuộc sống. Chính vì thế, khi mẹ đi lấy chồng hoặc cha lấy vợ khác, tâm trạng của trẻ trở nên hoang mang, bấp bênh, không biết tương lai sẽ ra sao:

Trời mưa bong bóng phập phồng
Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai?

Câu hỏi "con ở với ai?" chất chứa nỗi lo lắng về việc không còn ai bảo bọc, chở che. Câu ca dao không chỉ là tiếng lòng của những đứa trẻ bất hạnh mà còn là lời nhắc nhở về giá trị của tình thân và trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Trong nhiều trường hợp, người mẹ khi đi lấy chồng mới có thể bỏ lại con hoặc gửi gắm cho người thân chăm sóc. Điều này khiến đứa trẻ cảm thấy như bị gạt ra khỏi vòng tay yêu thương của người mẹ:

Con quạ nó đứng bờ sông
Nó kêu:"Bớ má lấy chồng bỏ con"